

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 9-2021
V/v ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh

Bà Đặng Thị Đồi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quý L1 – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1990; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 5, xã D, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy L1, sinh năm 1988; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 5, xã D, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 07 tháng 7 năm 2021 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện K, nguyên đơn là chị Hoàng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Duy L1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 6 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh, chị cùng chung sống tại thôn 5, xã D, huyện K, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống

vợ chồng hòa T hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng về quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, anh L1 hay uống rượu và đánh chửi chị L, không quan tâm, chăm lo đến cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải xong không cải thiện được mà ngày càng căng thẳng hơn. Chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân chị L và anh L1 không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Duy L1.

Về con chung: Chị L khai vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Duy T, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2013 và Nguyễn Duy P, sinh ngày 30 tháng 7 năm 2019. Trường hợp ly hôn chị L đề nghị được nuôi dưỡng cháu P và đồng ý để anh L1 nuôi dưỡng cháu T. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị L tự thỏa T với anh L1, do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L đề tự thỏa T với anh L1, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Duy L1 có lời khai đồng ý với lời khai của chị L về việc kết hôn, chung sống và tài sản chung vợ chồng. Anh L1 thừa nhận mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là có thực nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong đời sống sinh hoạt thường ngày, chị L đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay và không quan tâm đến cuộc sống chung. Tuy nhiên anh L1 thấy vẫn còn tình cảm vợ chồng và không đồng ý ly hôn.

Về con chung, anh L1 khai có 02 con chung như chị L khai là đúng. Trong trường hợp ly hôn thì anh có nguyện vọng muốn nuôi cả hai con và tự thỏa T nghĩa vụ cấp dưỡng với chị L, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung vợ chồng anh L1 tự thỏa T với chị L, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Duy L1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị L được ly hôn anh L1. Về con chung, giao cháu Nguyễn Duy P cho chị L nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Duy T cho anh L1 nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi con chung do chị L và anh L1 tự thỏa T giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung do chị L và anh L1 không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Hoàng Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Duy L1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ để anh L1 có mặt tại Tòa án trình bày ý kiến của mình về việc chị Hoàng Thị L có đơn xin ly hôn nhưng anh L1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn là chị Hoàng Thị L và bị đơn là anh Nguyễn Duy L1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Duy L1 là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa T hạnh Pc đến khoảng đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L1 mãi chơi, rượu chè, không quan tâm đến cuộc sống gia đình nên hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn nên chị L và anh L1 đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình anh L1 thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh L1 là có tồn tại. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L1, anh L1 không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ nhưng không có mặt tại buổi hòa giải và phiên tòa xét xử. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh L1 đã trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh L1 không đồng ý ly hôn chỉ nhằm gây khó khăn cho chị L. Do đó hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L xin ly hôn với anh L1.

[3] Về con chung: Chị L và anh L1 có 02 con chung là Nguyễn Duy T, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2013 và Nguyễn Duy P, sinh ngày 30 tháng 7 năm 2019. Trường hợp ly hôn chị L đề nghị được nuôi dưỡng cháu P và đồng ý để anh L1 nuôi dưỡng cháu T vì cháu P còn nhỏ, hiện nay đang sống cùng chị và chị vẫn đảm bảo việc chăm sóc cháu phát triển tốt về mọi mặt. Mặt khác chị có nơi ở ổn định và hiện tại chị đang làm công nhân, có mức thu nhập ổn định để có thể nuôi dưỡng con. Anh L1 có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con. Việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như đảm bảo quyền được chăm sóc nuôi dưỡng con của cả cha, mẹ. Xét hiện nay, chị L và anh L1 đều có công việc và thu nhập ổn định, có đủ các điều kiện để có thể nuôi dưỡng và chăm sóc con tốt. Xét thấy cháu P còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi và cháu T có nguyện vọng được ở với bố. Như vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị L, giao cháu Nguyễn Duy P cho chị L trực tiếp nuôi

dưỡng; giao cháu T cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị L và anh L1 tự thỏa T với nhau, hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Do chị L và anh L1 tự thỏa T với nhau, hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Duy L1.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu Nguyễn Duy P, sinh ngày 30 tháng 7 năm 2019 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 12 tháng 11 năm 2013 cho anh Nguyễn Duy L1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số 0009369 ngày 16/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Duy L1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã D, huyện K ;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang